

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B', huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B', huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B', huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2019 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Lê Thị M, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào năm 2016, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B'. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh N thuê nhà tại thị xã Tân Châu sinh sống được thời gian thì về chung sống cùng gia đình anh N, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh

phúc đến tháng 03 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống với nhau không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do anh N ăn chơi như đánh bài, không lo làm ăn và quan tâm, chăm sóc gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hàng ngày, vợ chồng chung sống thì tiền ai người đó xài. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay, chị và anh N có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, cha mẹ hai bên cũng tạo điều kiện để chị và anh N đoàn tụ nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu N.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh N chung sống với nhau có 01 con chung, là con trai tên Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 05/3/2018. Hiện con chung sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị có thời gian chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, vì làm nghề chăm sóc da, làm tóc tại nhà, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000đ. Ngoài ra, mẹ ruột chị còn phụ giúp chị chăm sóc cháu Đ. Anh N thì giao cá giống cho người khác, thu nhập mỗi tháng bao nhiêu thì chị không biết nhưng anh N làm ra tiền bao nhiêu thì tiêu xài hết, không có đưa tiền cho chị để lo cho gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị và anh N chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Lê Hữu N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2019 người làm chứng bà Nguyễn Thị H, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh N, bà không có mâu thuẫn với anh N, chị M. Chị M và anh N có tự tìm hiểu nhau nhưng do hai gia đình có mâu thuẫn nên không tổ chức lễ cưới nên chị M, anh N về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B' vào khoảng năm 2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị M, anh N thuê nhà ở thị xã Tân Châu sinh sống và có một con chung tên Lê Nguyễn Đ. Trong thời sống chung ở Tân Châu thì chị M có nộp đơn ly hôn với anh N nhưng không rõ lý do gì. Sau đó, vợ chồng hàn gắn chị M rút đơn lại. Anh N làm nghề giao cá giống thường xuyên vắng nhà, còn chị M ở nhà chăm sóc con. Gần đây, bà có nghe chị M kể vợ chồng mâu thuẫn tiền bạc. Ngoài ra, bà không biết vợ chồng còn mâu thuẫn nào khác không. Vợ chồng anh N không sống chung từ tết nguyên đán năm 2019 nên chị M nộp đơn yêu cầu ly hôn, gia đình hai bên có gặp nhau bàn chuyện hàn gắn, khuyên bảo chị M hàn gắn để con có đủ cha mẹ nhưng chị M vẫn kiên quyết ly hôn. Về con chung cháu Đ hiện đang sống với chị M, gia đình bà vẫn thường xuyên tới lui thăm cháu, chị M chăm sóc con rất tốt, cháu Đ

khỏe mạnh và bên ngoài cũng rất yêu thương, chăm sóc cháu tốt. Lúc sinh cháu Đ thì bà chăm sóc cháu Đ và chị M đến khi ly thân thì chị M đem con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh N đều không có. Anh N vẫn chung sống cùng hộ khẩu với bà. Tòa án có đến nhà bà gửi giấy mời bà nhận thay và có giao lại cho anh N nhưng do bận công việc nên anh N chưa sắp xếp đến Tòa án giải quyết. Bà có nghe anh N nói là không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ con nhưng nếu chị M kiên quyết quá thì tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà có nguyện vọng vợ chồng anh N hàn gắn đoàn tụ để cháu Đ có đủ cha mẹ. Bà không muốn vợ chồng anh N ly hôn, vì tội nghiệp cháu Đ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Lê Hữu N. Về con chung giao con chung Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 05/3/2018 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Hữu N và anh N hiện cư trú tại ấp A, xã B', huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Hữu N, người làm chứng bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N, bà H vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà H đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Lê Hữu N được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2016 ngày 10/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B', huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu N. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị M cho rằng do anh N ăn chơi như đánh bài, không lo làm ăn và quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng chung sống thì tiền ai người đó xài nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hàng ngày và chị M, anh N không còn sống chung từ tháng 03 năm 2019 cho đến

nay, chị M và anh N có gặp nhau, gia đình hai bên cũng tạo điều kiện để chị M, anh N hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, Hội đồng xét xử đã động viên chị M hàn gắn tình cảm với anh N nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vẫn không có văn bản ghi ý kiến, không đến Tòa án hòa giải với chị M để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Đồng thời, người làm chứng bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của anh N trình bày khi chị M về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì cũng từng yêu cầu ly hôn với anh N, do anh N đi làm nên không đến Tòa án giải quyết việc chị M yêu cầu ly hôn. Cho thấy, hôn nhân giữa chị M và anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Lê Hữu N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 05/3/2018 hiện đang dưới 36 tháng tuổi và sinh sống ổn định cùng chị M, chị M chăm sóc con chung tốt phù hợp với lời khai của bà H. Nghĩ nên tiếp tục giao con chung Đ cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị M đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện HN có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị M chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 000784 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M. Cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Lê Hữu N.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 05/3/2018 cho chị Lê Thị M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Lê Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 000784 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/8/2019) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thùy Dung